

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Cần

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Nhung

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Căn cứ vào các điều 147, 213, 235, 246, Điều 357, Điều 468 và Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 532/2022/ TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Duy Y**, sinh năm 195x

Nơi cư trú: Thôn **SD**, xã **LH**, huyện **VG**, tỉnh Hưng Yên.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn:* Luật sư Dương Văn Phong – Thuộc công ty Luật TNHH PK Việt Nam – Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 197x

Nơi cư trú: Tổ 08, phường TD, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

**XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Duy Y và bà Nguyễn Thị H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Phạm Duy Y và bà Nguyễn Thị H nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung:* Ông Phạm Duy Y và bà Nguyễn Thị H nhất trí thỏa thuận: Giao con chung là cháu Phạm Thúy N, sinh ngày 18/9/200x cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Phạm Duy Y được quyền

đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Đối với cháu Phạm Thúy N, sinh ngày 12/3/199x đã trưởng thành, nên không xem xét giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.3. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Ông Phạm Duy Y và bà Nguyễn Thị H nhất trí thỏa thuận: Ông Phạm Duy Y phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho cháu Phạm Thúy N, với số tiền cấp dưỡng là 5.000.000đ/tháng (Năm triệu đồng/tháng) cho đến khi cháu Ngân đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 12/5/2023.

*Kể từ ngày đến thời điểm có nghĩa vụ cấp dưỡng và bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Duy Y không thi hành được khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong.*

*Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

Khi xét thấy cần thiết hoặc do điều kiện sống có sự thay đổi, vợ chồng có thỏa thuận khác phù hợp với quy định pháp luật và vì lợi ích của con chung, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi hoặc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

2.4. *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

2.5. *Về án phí:* Ông Phạm Duy Y và bà Nguyễn Thị H nhất trí thỏa thuận: Ông Phạm Duy Y tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ đi vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là theo biên lai số 0000153 ngày 12 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN và chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, nộp ngân sách Nhà nước.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Thái Nguyên;
- Chi cục THADS thành phố Thái Nguyên;
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã Phúc Hà, TP. Thái Nguyên;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Cần**

